TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mi Mi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thùy Dương
2/ Bà Trần Thị Thu Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 43/2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023. Về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 12/5/2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1991 .
Bị đơn : Ông Nguyễn Ngọc G – Sinh năm 1982 .
Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/02/2023 và tại bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông G cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại xóm 2, thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông G thường xuyên nhậu, hay ghen tuông

không quan tâm đến bà và con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 03/2023 cho đến nay. Bà và ông G không còn liên lạc với nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh N – sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc J – sinh ngày 03/8/2014. Hiện các con đang ở với bà.

Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Ngọc Thanh N và Nguyễn Ngọc J và không yêu cầu ông G cấp đưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc G vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc G cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Hàm Thuận Bắc. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G thường xuyên nhậu, hay ghen tuông không quan tâm đến bà và con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông G nhưng ông G cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh N – sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc J – sinh ngày 03/8/2014.

Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh N và Nguyễn Ngọc J, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: 02 con tên N và J có nguyện vọng ở với bà T, từ khi bà và ông G không còn ở với nhau thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục con, ông G không đến Tòa để nêu ý kiến của ông. Vì vậy, giao 02 con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly Hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Ngọc G không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh N – sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc J – sinh ngày 03/8/2014.

Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc G cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014407 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông Nguyễn Ngọc G không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2023), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị MM